TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VỊ THỦY** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 9 - 2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Điều.

2. Ông Nguyễn Văn Bảnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Điền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 150/2024/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 6 năm 2024 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 231/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 182/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đồng Thị H, sinh năm 1994; nơi cư trú: Số B, tổ E, khu V, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ (Vắng mặt).

Bị đơn: Anh Phạm Văn M, sinh năm 1980; nơi cư trú: Ấp I, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 06/6/2024, nguyên đơn chị Đồng Thị H trình bày: Vào năm 2021, giữa nguyên đơn với bị đơn là anh Phạm Văn M xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Anh chị sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay, nguyên nhân là do bất đồng trong cuộc sống. Do đó, chị

H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bị đơn. Về con chung: giữa chị H với anh M có 02 con chung là cháu Phạm Ngọc Phước N sinh ngày 17/5/2021 và cháu Phạm Phước Đ sinh ngày 22/8/2022, cả hai con hiện nay đang sống với chị H; khi ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu anh M cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ chung, không có nên không yêu cầu giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 06/6/2024, bị đơn anh Phạm Văn M trình bày: Qua quen biết và tìm hiểu, giữa anh với chị Đồng Thị H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn; sau khi kết hôn anh chị sống tại ấp I, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay, nguyên nhân là do bất đồng và không hợp nhau. Về hôn nhân, anh T đồng ý ly hôn; anh chị có hai con chung là Phạm Ngọc Phương N1 và Phạm Phước Đ, hiện nay do chị H đang nuôi dưỡng, khi ly hôn anh M thống nhất giao cháu N1 và cháu Đ cho chị H nuôi dưỡng, anh M không phải cấp dưỡng; về nợ chung và tài sản chung, không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tình tiết, sự kiện các bên thống nhất: Về hôn nhân có đăng ký kết hôn, về ly hôn; có hai con chung hiện nay do chị H đang nuôi dưỡng, chị H được nuôi dưỡng cả hai con chung, anh M chưa phải cấp dưỡng; về nợ chung và tài sản chung: không có.

Tình tiết, sự kiện các bên không thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Áp dụng pháp luật về tố tụng

[1.1] Về thẩm quyền: Chị Đồng Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bị đơn anh Phạm Văn M, yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng; do bị đơn cư trú tại ấp I, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, để xác định quan hệ tranh chấp thuộc trường hợp: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[1.2] Về xét xử vắng mặt đương sự: Đối với bị đơn anh Phạm Văn M, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; vào ngày 09/9/2024 chị Đồng Thị H có đơn yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn

cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.3] Vụ án Toà án không thu thập chứng cứ; căn cứ Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Thông tư liên tịch số 02/2026/TTLT-VKSNDTC-TANDTC, ngày 31 tháng 8 năm 2016 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Toà án nhân dân tối cao: "Quy định việc phối hợp giữa Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân trong việc thi hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự", thì vụ án không thuộc trường hợp Kiểm sát viên phải tham gia phiên toà.

[2] Áp dụng pháp luật về nội dung: Vào năm 2021, giữa chị Đồng Thị H với anh Phạm Văn M, xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn, nên áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, để giải quyết tranh chấp.

[3] Về hôn nhân: Thời điểm chị H với anh M đăng ký kết hôn, thì anh chị đã đủ điều kiện đăng ký kết hôn, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên hôn nhân giữa anh chị được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong cuộc sống; theo biên bản xác minh ngày 20/5/2024 được chính quyền địa phương cung cấp: nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn giữa chị H và anh M thì chính quyền địa phương không biết. Theo bản tự khai ngày 06/6/2024, anh M đồng ý ly hôn. Xét thấy, mẫu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, các bên thống nhất ly hôn nên ghi nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

[4] Về con chung: Giữa chị H với anh M có hai con chung là cháu Phạm Ngọc Phước N sinh ngày 17/5/2021 và cháu Phạm Phước Đ sinh ngày 22/8/2022, hiện nay cả hai cháu do chị H đang nuôi dưỡng, lời khai của các đương sự phù hợp với nhau về việc con chung hiện nay do chị H đang nuôi dưỡng; cháu N và cháu Đ đều chưa đủ 7 tuổi, các đương sự thoả thuận chị H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung nên ghi nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, tiếp tục giao cháu N và cháu Đ cho chị H nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng: Trong đơn khởi kiện chị H không yêu cầu anh M cấp dưỡng; đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên chưa xem xét; sau khi ly hôn, nếu việc nuôi dưỡng con chung gặp khó khăn thì chị H có quyền yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng bằng một vụ án khác.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của các bên đương sự thống nhất về tài sản chung và nợ chung không có, nên không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Do các đương sự thoả thuận về việc ly hôn trước khi Toà án đưa vụ án ra xét xử; do đó, các đương sự phải chịu một nửa án phí.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: các Điều 5, 6, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và 4 Điều 91, khoản 1 Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 96, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14: Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng: các Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đồng Thị H.

1. *Về hôn nhân*: Cho chị Đồng Thị H với anh Phạm Văn M được ly hôn.

2. *Về con chung*: Tiếp tục giao cháu Phạm Ngọc Phước N sinh ngày 17/5/2021 và cháu Phạm Phước Đ sinh ngày 22/8/2022 cho chị Đồng Thị H nuôi dưỡng; anh Phạm Văn M chưa phải cấp dưỡng

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có, nên không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Đồng Thị H phải nộp 75.000đ (Bảy mươi lăm ngàn đồng); chị H được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008706, ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Chị H còn được nhận lại 225.000đ (Hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008706, ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Anh Phạm Văn M phải nộp 75.000đ (Bảy mươi lăm ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

5. *Quyền kháng cáo*: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- UBND xã Vị Bình, h. Vị Thủy (nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP;
- Cổng TTĐT (để công bố);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Hùng